

Số: 900/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 28 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và
cơ cấu ngạch công chức của các Sở, Ban, ngành tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ
Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ
chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và
vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ
trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ
Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ các Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương về việc hướng dẫn vị
trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành; Thông tư của các Bộ, ngành
Trung ương về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 324/TTr-SNV ngày 27
tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của
các Sở, Ban, ngành tỉnh Đắk Nông (Có các phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Các Sở, Ban, ngành bố trí, sử dụng và quản lý công chức theo đúng
danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo quy định; báo cáo
kết quả thực hiện, đề xuất điều chỉnh danh mục vị trí việc làm và cơ cấu
ngạch công chức khi có sự thay đổi quy định của cấp có thẩm quyền hoặc
thay đổi theo nhu cầu thực tế nhằm đảm bảo việc bố trí, sử dụng, quản lý
công chức theo đúng quy định.



2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ kiểm tra, hướng dẫn việc bố trí, sử dụng, quản lý công chức tại các Sở, Ban, ngành theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Chiến



Phụ lục XI
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH
CÔNG CHỨC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số **900**/QĐ-UBND ngày **28**/7/2023 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng cơ cấu ngạch
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở (03 vị trí)	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Phó Chánh Văn phòng (02 vị trí)	
5	Chánh Thanh tra Sở	
6	Phó Chánh Thanh tra	
7	Trưởng phòng (05 vị trí)	
8	Phó Trưởng phòng (6 vị trí)	
II	Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	
1	Chuyên viên chính về Quản lý lao động - tiền lương	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về Quản lý lao động - tiền lương	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về Quản lý Bảo hiểm xã hội	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về Quản lý Bảo hiểm xã hội	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về Quản lý việc làm và lao động ngoài nước	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về Quản lý việc làm và lao động ngoài nước	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về Quản lý an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về Quản lý an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính về Quản lý nhà nước giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên về Quản lý nhà nước giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên
11	Chuyên viên chính về Quản lý chính sách người có công	Chuyên viên chính

12	Chuyên viên về Quản lý chính sách người có công	Chuyên viên
13	Chuyên viên chính về Quản lý hồ sơ người có công	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên về Quản lý hồ sơ người có công	Chuyên viên
15	Chuyên viên chính về Quản lý bảo trợ xã hội	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên về Quản lý bảo trợ xã hội	Chuyên viên
16	Chuyên viên chính về Quản lý lĩnh vực trẻ em	Chuyên viên chính
17	Chuyên viên về Quản lý lĩnh vực trẻ em	Chuyên viên
18	Chuyên viên chính về Quản lý lĩnh vực bình đẳng giới	Chuyên viên chính
19	Chuyên viên về Quản lý lĩnh vực bình đẳng giới	Chuyên viên
20	Chuyên viên chính về Phòng, chống tệ nạn	Chuyên viên chính
21	Chuyên viên về Phòng, chống tệ nạn	Chuyên viên
22	Chuyên viên chính về Quản lý chính sách giảm nghèo	Chuyên viên chính
23	Chuyên viên về Quản lý chính sách giảm nghèo	Chuyên viên
III Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		
1	Chuyên viên chính về Thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên về Thanh tra	Thanh tra viên và tương đương
3	Chuyên viên chính về Pháp chế	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về Pháp chế	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về Quản lý tài chính	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về Quản lý tài chính	Chuyên viên
7	Chuyên viên về Quản lý Kế hoạch - thống kê	Chuyên viên
8	Chuyên viên chính về Tổ chức cán bộ	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên về Tổ chức cán bộ	Chuyên viên
10	Chuyên viên chính về Thi đua khen thưởng	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên về Thi đua khen thưởng	Chuyên viên
12	Chuyên viên chính về Cải cách hành chính	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên về Cải cách hành chính	Chuyên viên
14	Chuyên viên chính về Hành chính tổng hợp	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên về Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
16	Chuyên viên Quản trị công sở, Công nghệ thông tin	Chuyên viên

17	Kế toán viên chính	Chuyên viên chính
18	Kế toán viên	Kế toán viên
19	Chuyên viên về Văn thư - Lưu trữ	Văn thư viên
20	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên

B. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Chuyên viên cao cấp: 04, chiếm 9,5% so với tổng số công chức.
2. Chuyên viên chính: 08, chiếm 19% so với tổng số công chức.
3. Chuyên viên: 25, chiếm 59,6% so với tổng số công chức.
4. Thanh tra viên chính: 02, chiếm 4,7% so với tổng số công chức.
5. Kế toán viên chính: 01, chiếm 2,4% so với tổng số công chức.
6. Kế toán viên: 01, chiếm 2,4% so với tổng số công chức.
7. Văn thư viên: 01, chiếm 2,4% so với tổng số công chức.

Phụ lục X
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH
CÔNG CHỨC CỦA BAN DÂN TỘC TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Quyết định số 900 /QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý	
1	Trưởng ban	
2	Phó Trưởng ban (02 vị trí)	
3	Chánh Văn phòng	
4	Phó Chánh Văn phòng (01 vị trí)	
5	Trưởng phòng thuộc Ban và tương đương (02 vị trí)	
6	Phó Trưởng phòng thuộc Ban và tương đương (02 vị trí)	
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành	
1	Chuyên viên chính theo dõi, tham mưu thực hiện chính sách về lĩnh vực dân tộc và công tác dân tộc.	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên theo dõi, tham mưu thực hiện chính sách về lĩnh vực dân tộc và công tác dân tộc.	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính theo dõi, tham mưu thực hiện công tác thông tin tuyên truyền các chính sách về lĩnh vực dân tộc và công tác dân tộc.	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên theo dõi, tham mưu thực hiện công tác thông tin tuyên truyền các chính sách về lĩnh vực dân tộc và công tác dân tộc.	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên chính theo dõi, tham mưu thực hiện công tác công tác Thanh tra, kiểm tra, pháp chế.	Chuyên viên chính hoặc Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên theo dõi, tham mưu thực hiện công tác công tác Thanh tra, kiểm tra, pháp chế.	Chuyên viên hoặc Thanh tra viên
3	Chuyên viên chính theo dõi, tham mưu thực hiện công tác tổng hợp chung.	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên theo dõi, tham mưu thực hiện công tác tổng hợp chung.	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính theo dõi, tham mưu thực hiện công tác Hành chính.	Chuyên viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
6	Chuyên viên theo dõi, tham mưu thực hiện công tác Hành chính.	Chuyên viên
7	Chuyên viên theo dõi, tham mưu công tác Quản trị công sở.	Chuyên viên
8	Chuyên viên theo dõi, tham mưu thực hiện công tác kỹ thuật, công nghệ thông tin.	Chuyên viên
6	Kế toán.	Kế toán viên
7	Văn thư - Lưu trữ kiêm Thủ quỹ.	Văn thư viên

B. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Chuyên viên cao cấp: 03 công chức, chiếm 15% so với tổng số công chức.
2. Chuyên viên chính và tương đương: 06 công chức, chiếm 30% so với tổng số công chức.
3. Chuyên viên và tương đương: 09 công chức, chiếm 45% so với tổng số công chức.
4. Kế toán viên: 01 người, chiếm tỷ lệ 5% so với tổng số công chức.
5. Nhân viên Văn thư - Lưu trữ kiêm Thủ quỹ cơ quan: 01 người, chiếm tỷ lệ 5% so với tổng số công chức.

Phụ lục IX
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH
CÔNG CHỨC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo Quyết định số 900 /QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Chánh Thanh tra Sở	
5	Trưởng phòng (04 vị trí)	
9	Phó Chánh Văn phòng Sở (02 vị trí)	
10	Phó Chánh Thanh tra Sở	
11	Phó Trưởng phòng (04 vị trí)	
II	Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	
1	Chuyên viên chính về Quản lý về di sản văn hoá	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên Quản lý về di sản văn hoá	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về Quản lý về văn hoá	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên Quản lý về văn hoá	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về Quản lý về phong trào xây dựng nếp sống văn hoá	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên Quản lý về phong trào xây dựng nếp sống văn hoá	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về Quản lý về gia đình	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên Quản lý về gia đình	Chuyên viên
9	Chuyên viên Quản lý về TDTT	Chuyên viên
10	Chuyên viên chính Quản lý về du lịch	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên Quản lý về du lịch	Chuyên viên
12	Chuyên viên chính về Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên
14	Chuyên viên chính về Quản lý quản tổ chức biên chế	Chuyên viên chính

15	Chuyên viên Quản lý quản tổ chức biên chế	Chuyên viên
16	Chuyên viên Quản lý về nhân sự và đội ngũ	Chuyên viên
17	Chuyên viên chính về công tác pháp chế	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên về công tác pháp chế	Chuyên viên
II Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		
1	Chuyên viên chính về tổ chức nhân sự	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về tổ chức nhân sự	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về hành chính - tổng hợp	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về hành chính - tổng hợp	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về hành chính một cửa (CCHC)	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên hành chính một cửa (CCHC)	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên quản trị công sở	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
11	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
12	Kế toán	Kế toán viên
13	Nhân viên kỹ thuật	Kỹ thuật viên
14	Thủ quỹ	Chuyên viên
15	Văn thư	Chuyên viên
16	Lưu trữ	Cán sự hoặc tương đương

B. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Ngạch chuyên viên cao cấp: 04, chiếm 8,7% so với tổng số công chức;
2. Ngạch chuyên viên chính: 15, chiếm 32,6% so với tổng số công chức;
3. Ngạch chuyên viên: 18, chiếm 39,2% so với tổng số công chức;
4. Ngạch thanh tra viên: 03, chiếm 6,5% so với tổng số công chức;
4. Thanh tra viên chính: 02, chiếm 4,3% so với tổng số công chức;
5. Kế toán viên chính: 01, chiếm 2,2% so với tổng số công chức;
6. Kế toán viên: 03, chiếm 6,5% so với tổng số công chức.



Phụ lục VIII
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ
CƠ CẤU NGÁCH CÔNG CHỨC SỞ Y TẾ
(Kèm theo Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Số thứ tự	Tên vị trí việc làm	Tương ứng cơ cấu ngạch
I	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở (04 vị trí)	
3	Trưởng phòng thuộc Sở (4 vị trí)	
4	Chánh Thanh tra Sở	
5	Chánh Văn phòng	
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở (07 vị trí)	
7	Phó Chánh thanh tra Sở	
8	Phó Chánh Văn phòng	
9	Chi cục trưởng	
10	Phó Chi cục trưởng (2 vị trí)	
II	Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	
1	Chuyên viên chính quản lý ngộ độc thực phẩm	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên quản lý ngộ độc thực phẩm	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính quản lý nghiệp vụ dược	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên quản lý nghiệp vụ dược	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính quản lý nghiệp vụ y	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên quản lý nghiệp vụ y	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính quản lý hành nghề y dược tư nhân	Chuyên viên chính



8	Chuyên viên quản lý hành nghề y dược tư nhân	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	Chuyên viên
11	Chuyên viên chính thông tin truyền thông về an toàn vệ sinh thực phẩm	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên Thông tin truyền thông về an toàn vệ sinh thực phẩm	Chuyên viên
13	Chuyên viên chính quản lý đăng ký và chứng nhận sản phẩm	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên quản lý đăng ký và chứng nhận sản phẩm	Chuyên viên
15	Chuyên viên chính quản lý công tác Dân số- KHHGĐ	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên quản lý công tác Dân số- KHHGĐ	Chuyên viên
17	Chuyên viên chính thông tin truyền thông về KHHGĐ	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên thông tin truyền thông về KHHGĐ	Chuyên viên
19	Chuyên viên chính quản lý bảo hiểm y tế	Chuyên viên chính
20	Chuyên viên quản lý bảo hiểm y tế	Chuyên viên
III	Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên chính về Thanh tra	Thanh tra viên chính và tương đương
2	Chuyên viên về Thanh tra	Thanh tra viên và tương đương

3	Chuyên viên chính về Pháp chế	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về Pháp chế	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính quản lý tài chính - kế toán	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên quản lý tài chính - kế toán	Chuyên viên
7	Chuyên viên về quy hoạch và xây dựng cơ bản	Chuyên viên
8	Chuyên viên chính quản lý quy hoạch - kế hoạch	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên quản lý quy hoạch - kế hoạch	Chuyên viên
10	Chuyên viên chính về Quản lý Kế hoạch - thống kê	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên về Quản lý Kế hoạch - thống kê	Chuyên viên
12	Chuyên viên chính về Tổ chức cán bộ	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên về Tổ chức cán bộ	Chuyên viên
13	Chuyên viên chính về Thi đua khen thưởng	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên về Thi đua khen thưởng	Chuyên viên
15	Chuyên viên chính về Cải cách hành chính	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên về Cải cách hành chính	Chuyên viên
17	Chuyên viên chính về Hành chính tổng hợp	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên về Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
19	Chuyên viên chính Quản trị công sở, Công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
20	Chuyên viên quản trị công sở, Công nghệ thông tin	Chuyên viên
21	Kế toán viên chính	Chuyên viên chính

24	Kế toán viên	Kế toán viên
22	Chuyên viên về Văn thư - Lưu trữ	Văn thư viên
23	Chuyên viên chính Văn thư - Lưu trữ	Văn thư chính
24	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên

B. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Chuyên viên cao cấp: 05, chiếm 8,8% so với tổng số công chức.
2. Chuyên viên chính và tương đương: 24, chiếm 42,1% so với tổng số công chức.
3. Chuyên viên và tương đương: 25, chiếm 43,85% so với tổng số công chức.
4. Kế toán viên chính: 01, chiếm 1,75% so với tổng số công chức.
5. Kế toán viên: 01, chiếm 1,75% so với tổng số công chức.
6. Văn thư viên: 01, chiếm 1,75% so với tổng số công chức. 

Phụ lục VII
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH
CÔNG CHỨC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 900 /QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở (04 vị trí)	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Phó Chánh Văn phòng Sở	
5	Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (06 vị trí)	
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (08 vị trí)	
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương	
1	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về quản lý khai thác khoáng sản	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về quản lý khai thác khoáng sản	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về quản lý khai thác tài nguyên nước	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về quản lý khai thác tài nguyên nước	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về quản lý về khí tượng thủy văn	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về quản lý về khí tượng thủy văn	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính về theo dõi, ứng phó biến đổi khí hậu	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên về theo dõi, ứng phó biến đổi khí hậu	Chuyên viên
11	Chuyên viên chính về thẩm định giá đất	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về thẩm định giá đất	Chuyên viên
13	Chuyên viên chính về quản lý đăng ký đất đai	Chuyên viên chính

OK N.T.

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
14	Chuyên viên về quản lý đăng ký đất đai	Chuyên viên
15	Chuyên viên chính về quản lý đo đạc và bản đồ, viễn thám	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên về quản lý đo đạc và bản đồ, viễn thám	Chuyên viên
17	Chuyên viên chính về thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên về thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Chuyên viên
19	Chuyên viên chính về quản lý phí bảo vệ môi trường	Chuyên viên chính
20	Chuyên viên về quản lý phí bảo vệ môi trường	Chuyên viên
21	Chuyên viên chính về quản lý chất thải	Chuyên viên chính
22	Chuyên viên về quản lý chất thải	Chuyên viên
23	Chuyên viên chính về quản lý đa dạng sinh học	Chuyên viên chính
24	Chuyên viên về quản lý đa dạng sinh học	Chuyên viên
25	Chuyên viên chính về kiểm soát ô nhiễm môi trường	Chuyên viên chính
26	Chuyên viên về kiểm soát ô nhiễm môi trường	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
3	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
5	Thanh tra viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Thanh tra viên chính
6	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Thanh tra viên
7	Chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
9	Thanh tra viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên chính
10	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên
11	Chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên
13	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên chính
14	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên
15	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên
17	Chuyên viên chính về pháp chế	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
19	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
20	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
21	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
22	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
23	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính
24	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
25	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính
26	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
27	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
28	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
29	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
30	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
31	Chuyên viên chính về truyền thông	Chuyên viên chính
32	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên
33	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
34	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
35	Văn thư viên	Văn thư viên
36	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp
37	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
38	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
39	Kế toán trưởng hoặc phụ trách Kế toán	Kế toán viên chính
40	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
41	Kế toán viên	Kế toán viên
42	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên

B. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Chuyên viên cao cấp: 05, chiếm 9,8% so với tổng số công chức.
2. Chuyên viên chính: 24, chiếm 47% so với tổng số công chức.
3. Chuyên viên: 11, chiếm 21,6% so với tổng số công chức.
4. Thanh tra viên chính: 04, chiếm 7,8% so với tổng số công chức.
5. Thanh tra viên: 02, chiếm 3,9% so với tổng số công chức.
6. Kế toán viên chính: 02, chiếm 3,9% so với tổng số công chức.
7. Kế toán viên: 01, chiếm 2% so với tổng số công chức.
8. Văn thư viên: 01, chiếm 2% so với tổng số công chức.
9. Văn thư viên trung cấp: 01, chiếm 2% so với tổng số công chức

Phụ lục VI
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGÁCH
CÔNG CHỨC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
(Kèm theo Quyết định số 000/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở (02 vị trí)	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Phó Chánh Văn phòng Sở (02 vị trí)	
5	Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (05 vị trí)	
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (05 vị trí)	
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành	
1	Chuyên viên chính quản lý về lĩnh vực CNTT	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên quản lý về lĩnh vực CNTT	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính quản lý về các hoạt động bưu chính	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên quản lý về các hoạt động bưu chính	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính quản lý về KHTC của ngành	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên quản lý về KHTC của ngành	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính quản lý nhà nước về báo chí	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên quản lý nhà nước về báo chí	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính quản lý hoạt động xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên quản lý hoạt động xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh	Chuyên viên
11	Chuyên viên chính quản lý về thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên quản lý về thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
13	Chuyên viên chính quản lý về hoạt động thông tin, tuyên truyền, cổ động viên trên địa bàn tỉnh.	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên quản lý về hoạt động thông tin, tuyên truyền, cổ động viên trên địa bàn tỉnh.	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
3	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
5	Thanh tra viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Thanh tra viên chính
6	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Thanh tra viên
7	Chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Chuyên viên
9	Thanh tra viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên chính
10	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên
11	Chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên
13	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên chính
14	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên
15	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên
17	Chuyên viên chính về pháp chế	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
19	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính
20	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Chuyên viên
21	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
22	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
23	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
24	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
25	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính
26	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
27	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính
28	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
29	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
30	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
31	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
32	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
33	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
34	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
35	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
36	Văn thư viên	Văn thư viên
37	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp
38	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
39	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
40	Chuyên viên chính về thống kê	Chuyên viên chính
41	Chuyên viên về thống kê	Chuyên viên
42	Kế toán trưởng hoặc phụ trách Kế toán	Kế toán viên chính
43	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
44	Kế toán viên	Kế toán viên
45	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp
46	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
47	Cán sự Thủ quỹ	Cán sự

B. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Chuyên viên cao cấp: 03, chiếm 9,4% so với tổng số công chức.
2. Chuyên viên chính: 10, chiếm 31,3% so với tổng số công chức.
3. Chuyên viên: 11, chiếm 34,4% so với tổng số công chức.
4. Thanh tra viên chính: 04, chiếm 12,5% so với tổng số công chức.
5. Kế toán viên chính: 01, chiếm 3,1% so với tổng số công chức.
6. Kế toán viên: 01, chiếm 3,1% so với tổng số công chức.
7. Văn thư viên: 01, chiếm 3,1% so với tổng số công chức.
8. Cán sự: 01, chiếm 3,1% so với tổng số công chức.




Phụ lục V
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU
NGÁCH CÔNG CHỨC SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số 90 /QĐ-UBND ngày 28 /7/2023 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở (03 vị trí)	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Phó Chánh Văn phòng Sở	
5	Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (05 vị trí)	
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (05 vị trí)	
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng	
1	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động xây dựng	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về quản lý hoạt động xây dựng	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế xây dựng	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về quản lý kinh tế xây dựng	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về quản lý chất lượng công trình	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về quản lý chất lượng công trình	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính về quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên về quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên
11	Chuyên viên chính về quản lý nhà và thị trường bất động sản	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về quản lý nhà và thị trường bất động sản	Chuyên viên
13	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch kiến trúc	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên về quản lý quy hoạch kiến trúc	Chuyên viên
15	Chuyên viên chính về quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
16	Chuyên viên về quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
3	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
5	Thanh tra viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Thanh tra viên chính
6	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Thanh tra viên
7	Chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Chuyên viên
9	Thanh tra viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên chính
10	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên
11	Chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên
13	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên chính
14	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên
15	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên
17	Chuyên viên chính về pháp chế	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
19	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
20	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
21	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
22	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
23	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính
24	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
25	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính
26	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
27	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
28	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
29	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
30	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
31	Chuyên viên chính về truyền thông	Chuyên viên chính
32	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên
33	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
34	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
35	Văn thư viên	Văn thư viên
36	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
37	Kế toán viên	Kế toán viên
38	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên

B. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Chuyên viên cao cấp: 04, chiếm 10,8% so với tổng số công chức.
2. Chuyên viên chính: 16, chiếm 43,3% so với tổng số công chức.
3. Chuyên viên: 12, chiếm 32,4% so với tổng số công chức.
4. Thanh tra viên chính: 03, chiếm 8,1% so với tổng số công chức.
5. Kế toán viên chính: 01, chiếm 2,7% so với tổng số công chức.
6. Văn thư viên: 01, chiếm 2,7% so với tổng số công chức.

Phụ lục IV
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH
CÔNG CHỨC SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
I	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ	
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở (02 vị trí)	
3	Chánh văn phòng	
4	Phó Chánh văn phòng (02 vị trí)	
5	Trưởng phòng (03 vị trí)	
6	Phó Trưởng phòng (05 vị trí)	
II	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH	
1	Chuyên viên chính về xây dựng pháp luật	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở và tiếp cận pháp luật	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở và tiếp cận pháp luật	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính về hành chính tư pháp	Chuyên viên chính

10	Chuyên viên hành chính tư pháp	Chuyên viên
11	Chuyên viên chính về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý	Chuyên viên
III	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG	
1	Thanh viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
3	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, cải cách hành chính, công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, cải cách hành chính, công nghệ thông tin	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về hành chính, tổng hợp, quản trị công sở, truyền thông, văn thư, lưu trữ	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên hành chính, tổng hợp, quản trị công sở, truyền thông, văn thư, lưu trữ)	Chuyên viên
9	Kế toán viên chính về tài chính, kế hoạch	Kế toán viên chính
10	Kế toán viên về tài chính, kế hoạch	Kế toán viên

B. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Chuyên viên cao cấp: 03, chiếm 9,1% so với tổng số công chức.
2. Chuyên viên chính và tương đương: 20, chiếm 60,6% so với tổng số công chức.
3. Chuyên viên và tương đương: 10, chiếm 30,3% so với tổng số công chức.



Phụ lục III
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH
CÔNG CHỨC SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở (02 vị trí)	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Phó Chánh Văn phòng Sở (02 vị trí)	
5	Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (04 vị trí)	
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (06 vị trí)	
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương	
1	Chuyên viên chính về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về quản lý thương mại quốc tế	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về quản lý thương mại quốc tế	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về quản lý công nghiệp	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về quản lý năng lượng	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về quản lý năng lượng	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính về quản lý cạnh tranh	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên về quản lý cạnh tranh	Chuyên viên
11	Chuyên viên chính về quản lý hóa chất	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về quản lý hóa chất	Chuyên viên
13	Chuyên viên chính về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
3	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
5	Thanh tra viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Thanh tra viên chính
6	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Thanh tra viên
7	Chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn thư	Chuyên viên
9	Thanh tra viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên chính
10	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên
11	Chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên
13	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên chính
14	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên
15	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên
17	Chuyên viên chính về pháp chế	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
19	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính
20	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Chuyên viên
21	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
22	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
23	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
24	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
25	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính
26	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
27	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính
28	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
29	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
30	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
31	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
32	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
33	Cán sự về hành chính - văn phòng	Cán sự
34	Chuyên viên chính về truyền thông	Chuyên viên chính
35	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên
36	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
37	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
38	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
39	Văn thư viên	Văn thư viên
40	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp
41	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
42	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
43	Chuyên viên chính về thống kê	Chuyên viên chính
44	Chuyên viên về thống kê	Chuyên viên
45	Kế toán trưởng hoặc phụ trách Kế toán	Kế toán viên chính
46	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
47	Kế toán viên	Kế toán viên
48	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp
49	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
50	Cán sự Thủ quỹ	Cán sự

B. Cơ cấu ngạch công chức

1. Chuyên viên cao cấp: 03, chiếm 7,5% so với tổng số công chức.
2. Chuyên viên chính: 19, chiếm 47,5% so với tổng số công chức.
3. Chuyên viên: 11, chiếm 27,5% so với tổng số công chức.
4. Thanh tra viên chính: 02, chiếm 5% so với tổng số công chức.
5. Kế toán viên chính: 01, chiếm 2,5% so với tổng số công chức.
6. Kế toán viên: 01, chiếm 2,5% so với tổng số công chức.
7. Văn thư viên: 01, chiếm 2,5% so với tổng số công chức.
8. Cán sự: 01, chiếm 2,5% so với tổng số công chức.

Phụ lục II
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU
NGẠCH CÔNG CHỨC SỞ NỘI VỤ
(Kèm theo Quyết định số 900 /QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở (03 vị trí)	
3	Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng	
4	Phó Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng	
5	Trưởng Ban Tôn giáo	
6	Phó Trưởng Ban Tôn giáo	
7	Chánh Văn phòng Sở	
8	Chánh Thanh tra Sở	
9	Trưởng phòng thuộc Sở	
10	Phó Chánh Văn phòng Sở (02 vị trí)	
11	Phó Chánh Thanh tra Sở	
12	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	
13	Trưởng Phòng thuộc Ban Thi đua - Khen thưởng	
14	Phó Trưởng Phòng thuộc Ban Thi đua - Khen thưởng	
15	Trưởng Phòng thuộc Ban Tôn giáo	
16	Phó Trưởng Phòng thuộc Ban Tôn giáo	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	
1	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Ngạch công chức tương ứng
4	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về địa giới hành chính	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về địa giới hành chính	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên
10	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	
1	Thanh tra viên chính	Thanh tra viên chính
2	Thanh tra viên	Thanh tra viên
3	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
9	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
10	Văn thư viên	Văn thư viên
11	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
13	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
14	Kế toán viên	Kế toán viên
15	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên
II	Ban Thi đua - Khen thưởng	
1	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	
-	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Ngạch công chức tương ứng
-	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
2	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	
-	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
-	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
-	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
-	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
-	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
-	Kế toán viên	Kế toán viên
-	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
-	Văn thư viên	Văn thư viên
-	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên
III	Ban Tôn giáo	
1	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	
-	Chuyên viên chính về quản lý về tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên chính
-	Chuyên viên về quản lý về tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên
2	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	
-	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
-	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
-	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
-	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
-	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
-	Kế toán viên	Kế toán viên
-	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
-	Văn thư viên	Văn thư viên
-	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên

B. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

- Chuyên viên cao cấp: 04, chiếm 5,5% so với tổng số công chức.
- Chuyên viên chính: 25, chiếm 34,7% so với tổng số công chức.
- Thanh tra viên chính; 02, chiếm 2,8% so với tổng số công chức.
- Chuyên viên: 34, chiếm 47,2% so với tổng số công chức.
- Thanh tra viên: 02, chiếm 2,8% so với tổng số công chức.
- Kế toán viên chính: 01, chiếm 1,4% so với tổng số công chức.
- Kế toán viên: 01, chiếm 1,4% so với tổng số công chức.
- Văn thư viên: 01, chiếm 1,4% so với tổng số công chức.
- Lưu trữ viên: 01, chiếm 1,4% so với tổng số công chức.
- Cán sự: 01, chiếm 1,4% so với tổng số công chức. 

Phụ lục I
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG UBND TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 90 /QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
A	LÃNH ĐẠO UBND TỈNH	
1	Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Phó Chủ tịch UBND tỉnh (03 vị trí)	
B	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	
I	Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý	
1	Chánh Văn phòng	
2	Phó Chánh Văn phòng (04 vị trí)	
3	Trưởng phòng (07 vị trí)	
4	Phó Trưởng phòng (12 vị trí)	
5	Trưởng Ban Tiếp công dân	
6	Phó Trưởng Ban Tiếp công dân (01 vị trí)	
7	Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công (01 vị trí)	
II	Vị trí việc làm công chức chuyên môn, nghiệp vụ	
1	Chuyên viên chính về tổng hợp chung	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về tổng hợp chung	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về tổng hợp tài chính, ngân sách, đầu tư, xây dựng cơ bản	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về tổng hợp tài chính, ngân sách, đầu tư, xây dựng cơ bản	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về tổng hợp nội chính	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về tổng hợp nội chính	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về tổng hợp nông nghiệp - tài nguyên và môi trường	Chuyên viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
8	Chuyên viên về tổng hợp nông nghiệp - Tài nguyên và môi trường	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính về quản lý công tác ngoại vụ biên giới	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên về quản lý công tác ngoại vụ biên giới	Chuyên viên
11	Chuyên viên chính về tổng hợp khoa giáo - văn xã	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về tổng hợp khoa giáo - văn xã	Chuyên viên
13	Chuyên viên chính về tiếp công dân	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên về tiếp công dân	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
11	Cán sự về hành chính - văn phòng	Cán sự
12	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
14	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
15	Văn thư viên	Văn thư viên
16	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
17	Kế toán trưởng hoặc phụ trách Kế toán	Kế toán viên chính
18	Kế toán viên	Kế toán viên

B. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Chuyên viên cao cấp: 09, chiếm 12,7% so với tổng số công chức.
2. Chuyên viên chính và tương đương: 35, chiếm 49,3% so với tổng số công chức.
3. Chuyên viên và tương đương: 26, chiếm 36,6% so với tổng số công chức.
4. Cán sự: 01, chiếm 1,4% so với tổng số công chức.

